

số kỹ thuật do nhà thầu cung cấp. Trong trường hợp phát hiện thông số tại tài liệu nhà thầu cung cấp có sự khác biệt so với thông tin trên website của hãng sản xuất (các tính năng, thông số kỹ thuật trên website chính thức của hãng sản xuất cũng có thể được coi là tài liệu kỹ thuật dùng để đánh giá sự đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa dự thầu) hoặc trường hợp cần thiết khác, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ. Mọi gian lận về hồ sơ, tài liệu, các thông số kỹ thuật của hàng hóa của nhà thầu là căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, tạo cảnh báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

- Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa dự thầu được đánh dấu vào các thông số kỹ thuật và các nội dung đề xuất để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa, các tài liệu được phân loại thành từng file riêng và ghi tên file tương ứng với từng tài liệu, scan đính kèm E-HSMT để Chủ đầu tư thuận tiện trong việc kiểm tra, đánh giá.

### **1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:**

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. “Tương đương” có nghĩa là có chất lượng, tính năng sử dụng bằng thông số mời thầu. Nhà thầu có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa nhà thầu chào có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu không có văn bản giải trình, tài liệu chứng minh thì đơn vị tư vấn tiến hành đánh giá theo đúng tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT của nhà thầu. Tất cả hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT thì mới được coi là đáp ứng và được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo bảng dưới đây:

<b>Nội dung</b>	<b>Thông số</b>
Nhãn hiệu /Tên thương mại của xe	Nhà thầu khai báo
Loại xe	Chở người
Xuất xứ (Nước sản xuất)	Xe nhập khẩu nguyên chiếc hoặc lắp ráp tại Việt Nam (Nhà thầu khai báo)
Năm sản xuất	Từ năm 2025 trở lại đây
<b>Mã kiểu loại</b>	SUV
<b>Kích thước và trọng lượng</b>	
Số chỗ ngồi	07 chỗ
<i>Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm)</i>	4795 x 1855 x 1835
<i>Chiều dài cơ sở (mm)</i>	2745
<i>Khoảng sáng gầm xe (mm)</i>	279
<i>Dung tích bình nhiên liệu</i>	80

<b>Nội dung</b>	<b>Thông số</b>
<i>(L)</i>	
<b>Động cơ</b>	
<i>Loại động cơ</i>	2TR-FE (2.7L)
<i>Số xy lanh</i>	4
<i>Bố trí xy lanh</i>	Thẳng hàng/In line
<i>Dung tích xy lanh</i>	2694
<i>Loại nhiên liệu</i>	Xăng/Petrol
<i>Công suất tối đa</i>	122 (164)/5200
<i>Mô men xoắn tối đa</i>	245/4000
<b>Chế độ lái</b>	Eco/Power
<b>Hệ thống truyền động</b>	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử
<b>Hộp số</b>	Số tự động 6 cấp
<b>Hệ thống treo</b>	
<i>Trước</i>	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng
<i>Sau</i>	Phụ thuộc, liên kết 4 điểm
<b>Hệ thống lái</b>	
<i>Trợ lực tay lái</i>	Thủy lực biến thiên theo tốc độ
<b>Vành &amp; lốp xe</b>	
<i>Loại vành</i>	Mâm đúc
<i>Kích thước lốp</i>	265/60R18
<i>Lốp dự phòng</i>	Mâm đúc
<b>Phanh</b>	
<i>Trước</i>	Đĩa tản nhiệt/Ventilated disc
<i>Sau</i>	Đĩa/Disc
<b>Tiêu chuẩn khí thải</b>	Euro 5
<b>Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)</b>	
<i>Ngoài đô thị</i>	9.30
<i>Kết hợp</i>	11.20
<i>Trong đô thị</i>	14.50
<b>NGOẠI THẤT</b>	
<b>Cụm đèn trước</b>	
<i>Đèn chiếu gần</i>	LED
<i>Đèn chiếu xa</i>	LED
<i>Đèn chiếu sáng ban ngày</i>	Có
<i>Hệ thống điều khiển đèn tự động</i>	Có
<i>Hệ thống cân bằng góc chiếu</i>	Tự động
<i>Chế độ đèn chờ dẫn đường</i>	Có
<b>Cụm đèn sau</b>	LED
<b>Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)</b>	LED
<b>Đèn sương mù</b>	
<i>Trước</i>	LED
<i>Sau</i>	LED
<b>Gương chiếu hậu ngoài</b>	
<i>Chức năng điều chỉnh điện</i>	Có
<i>Chức năng gập điện</i>	Có

<b>Nội dung</b>	<b>Thông số</b>
<i>Tích hợp đèn báo rẽ</i>	Có
<i>Màu</i>	Cùng màu thân xe
<b>Gạt mưa</b>	
<i>Trước</i>	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian
<i>Sau</i>	Có (gián đoạn)
<b>Chức năng sấy kính sau</b>	Có
<b>Ăng ten</b>	Dạng vây cá
<b>Tay nắm cửa ngoài xe</b>	Mạ crôm
<b>NỘI THẤT</b>	
<b>Tay lái</b>	
<i>Loại vô lăng</i>	3 chấu
<i>Chất liệu</i>	Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc
<i>Nút bấm điều khiển tích hợp</i>	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
<i>Điều chỉnh</i>	Chỉnh tay 4 hướng
<i>Lấy chuyển số</i>	Có
<b>Gương chiếu hậu trong</b>	Chống chói tự động
<b>Tay nắm cửa trong xe</b>	Mạ crôm
<b>Cụm đồng hồ</b>	
<i>Loại đồng hồ</i>	Optitron
<i>Đèn báo chế độ Eco</i>	Có
<i>Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu</i>	Có
<i>Chức năng báo vị trí cần số</i>	Có
<i>Màn hình hiển thị đa thông tin</i>	Có (màn hình màu TFT 4.2")
<i>Chức năng điều chỉnh độ sáng của cụm đồng hồ</i>	Có
<b>Ghế</b>	
<b>Chất liệu bọc ghế</b>	Da
<b>Ghế trước</b>	
<i>Loại ghế</i>	Loại thể thao
<i>Điều chỉnh ghế lái</i>	Chỉnh điện 8 hướng
<i>Điều chỉnh ghế hành khách</i>	Chỉnh điện 8 hướng
<b>Ghế sau</b>	
<i>Hàng ghế thứ hai</i>	Gập lưng ghế 60:40 một chạm, chỉnh cơ 4 hướng
<i>Hàng ghế thứ ba</i>	Ngả lưng ghế, gập 50:50 sang 2 bên
<i>Tựa tay hàng ghế sau</i>	Có
<b>TIỆN NGHI</b>	
<i>Hệ thống điều hòa</i>	Tự động 2 vùng
<i>Cửa gió sau</i>	Có
<i>Hộp làm mát</i>	Có
<i>Hệ thống âm thanh</i>	
<i>Màn hình giải trí</i>	Màn hình cảm ứng 9 inch
<i>Số loa</i>	11 loa JBL
<i>Cổng kết nối USB</i>	Có
<i>Kết nối Bluetooth</i>	Có
<i>Kết nối điện thoại thông</i>	Có

<b>Nội dung</b>	<b>Thông số</b>
<i>minh không dây</i>	
<b>Chìa khóa thông minh &amp; khởi động bằng nút bấm</b>	Có
<b>Khóa cửa điện</b>	Có
<b>Chức năng khóa cửa từ xa</b>	Có
<b>Cửa sổ điều chỉnh điện</b>	Có (1 chạm, chống kẹt tất cả các cửa)
<b>Cốp điều khiển điện</b>	Có
<b>Hệ thống điều khiển hành trình</b>	Có
<b>AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM</b>	
<i>Hệ thống báo động</i>	Có
<i>Hệ thống mã hóa khóa động cơ</i>	Có
<b>AN TOÀN CHỦ ĐỘNG</b>	
<b>Hệ thống cảnh báo điểm mù</b>	Có
<b>Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau</b>	Có
<b>Chống bó cứng phanh</b>	Có
<b>Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp</b>	Có
<b>Hệ thống phân phối lực phanh điện tử</b>	Có
<b>Hệ thống cân bằng điện tử</b>	Có
<b>Hệ thống kiểm soát lực kéo</b>	Có (A-TRC)
<b>Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc</b>	Có
<b>Hệ thống hỗ trợ đổ đèo</b>	Có
<b>Đèn báo phanh khẩn cấp</b>	Có
<b>Camera</b>	Camera 360
<b>Cảm biến hỗ trợ đỗ xe</b>	
<i>Sau</i>	Có
<i>Góc trước</i>	Có
<i>Góc sau</i>	Có
<b>AN TOÀN BỊ ĐỘNG</b>	
<b>Túi khí</b>	
<i>Túi khí người lái &amp; hành khách phía trước</i>	Có
<i>Túi khí bên hông phía trước</i>	Có
<i>Túi khí rèm</i>	Có
<i>Túi khí đầu gối người lái</i>	Có

\* **Lưu ý:**

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc các tài liệu có liên quan của hàng hóa chào hàng do hãng sản xuất phát hành để chứng minh hàng hóa chào hàng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT. Tất cả tài liệu cung cấp phải bằng tiếng Việt, trong trường hợp bằng tiếng nước ngoài nhà thầu phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu cung cấp. Trường hợp E-HSMT thiếu các bản dịch tiếng Việt, nhà thầu phải chịu trách nhiệm bổ sung, làm rõ trong quá trình đánh giá E-HSMT.

- Các thông số kỹ thuật của hàng hóa ở trên chỉ nhằm mô tả thông số, yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hàng hóa dự thầu phải đáp ứng mà không nhằm định hướng một loại hàng hóa, một hãng sản xuất cụ thể nào. Nhà thầu có thể chào hàng hóa có thông số kỹ thuật, tính năng, công dụng tương đương hoặc cao hơn.

### **1.3. Các yêu cầu khác:**

- Nhà thầu phải cam kết: Cung cấp đầy đủ giấy tờ, hồ sơ đảm bảo xe ô tô được phép đăng ký lưu hành tại Việt Nam. Trong trường hợp xe ô tô nhà thầu cung cấp không được phép đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam, nhà thầu sẽ phải thu hồi xe ô tô và hoàn trả toàn bộ giá trị hợp đồng cho Chủ đầu tư.

- Cung cấp kèm theo E-HSMT: Danh sách các cơ sở bảo hành của hãng sản xuất trên toàn quốc

#### **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ.

#### **Mục 3. Kiểm tra, thử nghiệm:**

+ Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.

+ Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.

+ Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Nhà thầu thanh toán.

+ Những hàng hoá không đạt yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm Nhà thầu phải thay thế bằng những hàng hoá khác tương ứng cho đến khi được Chủ đầu tư chấp nhận.

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p><b>1. Định nghĩa</b></p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p><b>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</p>